

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG - BỘ KHCN VÀ MÔI TRƯỜNG
SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

BÁO CÁO TỔNG KẾT

IAN

**ÁP DỤNG CÁC TBKT XÂY DỰNG MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ
HỘ GIA ĐÌNH ĐỒNG BÀO CÁC DÂN TỘC VÙNG CAO
TẠI XÃ PHỐ CÁO - HUYỆN ĐỒNG VĂN - TỈNH HÀ GIANG**



tuộc chương trình :

Phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi.

HÀ GIANG, THÁNG 12 NĂM 2000.

Số: 2140/QĐ-BKHCNMT

Hà nội, ngày 05 tháng 11 năm 1998

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Về việc hỗ trợ kinh phí cho các Dự án thuộc chương trình "Xây dựng mô hình ứng dụng KH&CN phục vụ phát triển kinh tế-xã hội nông thôn và miền núi" năm 1998

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

- Căn cứ Nghị định số 22-CP ngày 22 tháng 5 năm 1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;

- Căn cứ Quyết định số 132/1998/QĐ-TTg ngày 21/7/1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ xây dựng mô hình ứng dụng KH&CN phục vụ phát triển kinh tế-xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 1998-2002;

- Căn cứ Quyết định số 1075/QĐ-KH ngày 14/8/1997 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về việc ban hành qui chế tổ chức quản lý và chỉ đạo thực hiện chương trình xây dựng mô hình ứng dụng KH&CN phục vụ phát triển kinh tế-xã hội nông thôn và miền núi và Quyết định số 1156/QĐ-BKHCNMT ngày 05/8/1998 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về việc ban hành bổ sung tiêu chuẩn lựa chọn dự án thuộc phạm vi Chương trình;

- Theo đề nghị của các ông Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Vụ trưởng Vụ Quản lý KHCN Nông nghiệp, Vụ trưởng Vụ Quản lý KHCN Công nghiệp, Vụ trưởng Vụ Quản lý KHXH và Tự nhiên,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt Danh mục 50 Dự án thuộc Chương trình xây dựng mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế-xã hội nông thôn và miền núi năm 1998 (Danh mục kèm theo Quyết định này).

Điều 2: Giao cho Ban Chỉ đạo Chương trình và các Vụ có liên quan thành lập các Hội đồng khoa học và công nghệ để xét duyệt từng dự án và trình Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quyết định cho thực hiện.

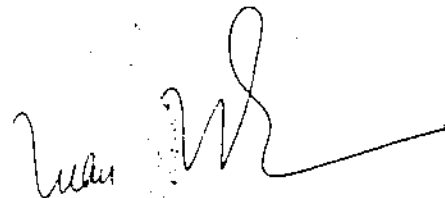
Điều 3: Kinh phí để thực hiện các Dự án nói ở Điều 1 được lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học phân bổ cho Chương trình. Năm 1998 tạm cấp cho mỗi Dự án 200 triệu đồng.

Điều 4: Các ông Vụ trưởng Vụ Kế hoạch, Vụ trưởng Vụ QLKHCN Nông nghiệp, Vụ trưởng Vụ QLKHCN Công nghiệp, Vụ trưởng Vụ Quản lý KHXH và Tự nhiên, Giám đốc các Sở KHCNMT tỉnh/thành phố có Dự án và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các Sở KHCNMT các tỉnh có Dự án;
- Bộ Tài chính;
- Lưu VT, Vụ KH.



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG

Số: 498/QĐ-UB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

000

Hà giang, ngày 5 tháng 2 năm 1999.

QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH HÀ GIANG

V/v triển khai dự án: "Xây dựng mô hình ứng dụng KHCN hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình tại Xã Phố cáo - Huyện Đồng văn - Tỉnh Hà giang".

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ luật tổ chức HĐND và UBND (Sửa đổi) ban hành ngày 21/6/1994.

Căn cứ nghị định số : 35/HĐBT ngày 28/1/1992 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng (Nay là chính phủ) về công tác quản lý hoạt động KHCN.

Căn cứ quyết định số 2140/QĐ-BKHCNMT ngày 5 tháng 11 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, công nghệ và môi trường về việc phê duyệt dự án thuộc chương trình nông thôn miền núi của Tỉnh Hà giang .

Căn cứ vào biên bản họp hội đồng KHCN cấp nhà nước đánh giá kết quả bảo vệ thuyết minh dự án ngày 1/12/1998.

Căn cứ vào tờ trình số :50/TTDA-KHCN ngày 4 tháng 2 năm 1999 của Sở Khoa học, công nghệ và môi trường về việc quyết định triển khai thực hiện dự án tại Xã Phố cáo - Huyện Đồng văn - Tỉnh Hà giang .

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1 : Nay cho phép triển khai dự án cấp Bộ "Xây dựng mô hình ứng dụng KHCN phục vụ phát triển kinh tế hộ gia đình đồng bào dân tộc Xã Phố cáo - Huyện Đồng văn Tỉnh Hà giang" . Thành lập tổ công tác chỉ đạo dự án do Ông Phạm Đình Tuý Chủ nhiệm dự án làm tổ trưởng gồm 8 thành viên có danh sách kèm theo. Thời hạn thực hiện dự án là 24 tháng (Từ 12/1998 - 12/2000).

Điều 2 : Giao cho Giám đốc Sở Khoa học, công nghệ và môi trường - Chủ nhiệm dự án được phép thành lập tổ kỹ thuật tại địa bàn, đồng thời ký kết hợp đồng chuyển giao kỹ thuật theo quy định hiện hành để triển khai dự án có hiệu quả.

Điều 3 : Các Ông Chánh văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học, công nghệ và môi trường, Thủ trưởng các cơ quan, Ban, Ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận :

- Bộ KHCNMT (B/C)
- TT Tỉnh Ủy (B/C)
- TT HĐND Tỉnh (Tường)
- Nhụ điều 3 (T/H)
- Lưu VT.CVKHCN

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG



Đỗ Hùng

BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ
VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 45-1998/HĐ-DANTMN

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 1998



HỢP ĐỒNG

Thực hiện Dự án thuộc Chương trình xây dựng các mô hình ứng dụng
khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn
và miền núi

- Căn cứ Quyết định số 132/1998/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao nhiệm vụ thực hiện "Chương trình xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 1998-2002";

- Căn cứ Quy định tạm thời số 647/QĐ-KHKT ngày 27/05/1989 của Ủy ban Khoa học Nhà nước về việc ký kết hợp đồng khoa học kỹ thuật;

- Căn cứ Quyết định số 2140/QĐ-BKHCNMT ngày 05 tháng 11 năm 1998 của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về việc phê duyệt Dự án thuộc Chương trình nông thôn và miền núi của Tỉnh Hà Giang.

Chúng tôi gồm:

1. Bên giao (Bên A): Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường
Địa chỉ: 39 Trần Hưng Đạo, Hà Nội Tel: 8248347-8248348
Số tài khoản: 944-07
Tại: Kho bạc Nhà nước Trung ương
Đại diện là bà: Phạm Bích Liên
Chức vụ: Phó Vụ trưởng Vụ Kế hoạch

2. Bên nhận (Bên B) là:

2.1. Cơ quan chủ trì dự án: Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường Tỉnh Hà Giang

Địa chỉ: Thị xã Hà Giang

Tel: 019.866.370

Số tài khoản: 932.00.00.00031

Tại Chi cục Kho bạc Nhà nước tỉnh Hà Giang

Đại diện là ông: Phạm Đình Tuý.

Chức vụ: Giám đốc Sở

2.2 Chủ nhiệm dự án, ông: Phạm Đình Tuý.

Chức vụ: Giám đốc

Nơi công tác: Sở KHCNMT tỉnh Hà Giang

Tel : 019.866.817

Fax : 019.866.192

Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản sau :

I. ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG

Điều 1 : Bên B cam kết thực hiện dự án :

"Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình tại Xã Phố Cáo - Huyện Đông Văn Tỉnh Hà Giang" theo các nội dung ghi trong thuyết minh dự án (Mẫu 02-DANT) bản thuyết minh này là một bộ phận của hợp đồng.

Điều 2 : Thời gian thực hiện hợp đồng là 24 tháng, bắt đầu từ tháng 12 năm 1998 đến tháng 12 năm 2000.

Điều 3 : Bên A có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện và nghiệm thu các kết quả của dự án nêu trong thuyết minh Dự án (Mẫu 02 - DANT)

II. TÀI CHÍNH CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 4 : Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện dự án là : 500 triệu đồng.
(bằng chữ : Năm trăm triệu đồng chẵn), Trong đó :

- Giá trị hợp đồng **495 Triệu đồng**
- Kinh phí đánh giá và nghiệm thu là **5 Triệu đồng**

Điều 5 : Bên B được cấp số kinh phí ghi ở điều 4 theo tiến độ sau

Đợt	Số tiền, triệu đồng	Thời gian cấp
1	200	Quý IV/1998
2	300	Năm 1999

Trước đợt chuyển kinh phí tiếp theo, Bên A sẽ tiến hành kiểm tra và khẳng định kết quả đạt được theo bảng tiến độ thực hiện nêu trong mẫu 02-DANT . nếu bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, chưa báo cáo quyết toán số kinh phí đã nhận được theo chế độ hiện hành , Bên A có thể kiến nghị Bộ Tài chính tạm ngừng cấp kinh phí để tìm biện pháp xử lý cần thiết

Điều 6: Bên B có trách nhiệm sử dụng kinh phí ghi ở Điều 4 đúng mục tiêu, tiến độ đã nêu, lập hồ sơ theo dõi quá trình thực hiện nội dung và tài chính của Dự án, báo cáo định kỳ tình hình thực hiện Dự án 6 tháng và năm kể từ ngày ký (Mẫu 08 - DANT), báo cáo quyết toán số kinh phí đã nhận được theo chế độ hiện hành.

Điều 7: Bên B có trách nhiệm nộp vào tài khoản của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường khoản thu hồi là: không triệu đồng (bằng 0% giá trị hợp đồng).

II. KẾT QUẢ CỦA DỰ ÁN VÀ THỜI GIAN GIAO NỘP KẾT QUẢ

Điều 8: Khi kết thúc Dự án, Bên B phải giao nộp cho Bên A:

- Báo cáo tổng kết các nội dung của Dự án có ý kiến đánh giá và xác nhận của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố.
- Báo cáo chuyên đề về các mô hình, quy trình công nghệ, các giải pháp tổng hợp phát triển kinh tế-xã hội, v.v...
- Báo cáo tóm tắt quá trình thực hiện hợp đồng của Dự án.
- Báo cáo quyết toán kinh phí.
- Các báo cáo khác có liên quan.

Điều 9: Trong thời gian 15 ngày sau khi Bên B đã thực hiện xong nội dung nêu trong Điều 8, Bên A sẽ tiến hành nghiệm thu dự án.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

Điều 10: Trong quá trình thực hiện Dự án, nếu Bên nào nhận thấy cần đình chỉ thực hiện hợp đồng vì bất cứ lý do gì thì phải thông báo trước bằng văn bản trong vòng 10 ngày để xác định trách nhiệm của các Bên và lập biên bản xử lý.

Điều 11: Hai Bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Nếu Bên nào không hoàn thành hoặc hoàn thành không đầy đủ các điều khoản của hợp đồng sẽ phải chịu trách nhiệm về vật chất theo pháp luật hiện hành.

Nếu có các yêu cầu thay đổi hoặc bổ sung hợp đồng, hai Bên phải kịp thời thoả thuận bằng văn bản, lúc đó mới có giá trị.

Điều 12: Hợp đồng này có giá trị từ ngày ký . Hợp đồng được lập thành 8 bản có giá trị như nhau , mỗi bên giữ 4 bản .

Hợp đồng được thanh lý sau khi các nội dung nêu trên tại Điều 7 và Điều 9 đã được thực hiện đầy đủ./.

ĐẠI DIỆN BÊN A
BỘ KHOA HỌC , CN & MT
P. Vụ trưởng Vụ kế hoạch



Phạm Bích Liên

ĐẠI DIỆN BÊN B
SỞ KHCN&MT HG - CHỦ NHIỆM DỰ ÁN
Giám đốc



Phạm Đình Cường

TỔNG HỢP THỰC TRẠNG

CÁC ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

Xã Phố cáo - Huyện Đồng Văn

Số TT	Danh mục	Đơn vị	Tổng số
1	2	3	4
1	Diện tích đất tự nhiên	Ha	3.589,0
A	Đất đang dùng vào Nông nghiệp	Ha	704,1
	Trong đó : + Đất ruộng lúa	Ha	72,2
	+ Đất nương rẫy	Ha	323,8
B	Đất đang dùng vào Lâm Nghiệp	Ha	184,2
	Trong đó : + Rừng tự nhiên	Ha	178,8
	+ Rừng trồng	Ha	5,4
C	Đất ở và đất chuyên dùng	Ha	92,0
	Trong đó : + Đất ở	Ha	80,5
	+ Đất dùng cho giao thông	Ha	9,5
D	Đất chưa sử dụng	Ha	2.608,7
	Trong đó : + Đất đồi núi	Ha	699,7
	+ Núi đá	Ha	1.909,0
2	Chiều dài biên giới giáp Trung quốc	Km	3,0
3	Chiều dài Quốc lộ qua xã	Km	18,0
4	Khoảng cách từ xã đến Huyện	Km	36,0
5	Máy điện thoại	Cái	1,0
6	Trạm xá xã		
	Loại : - Kiên cố	m ²	54,0
	- Bán kiên cố	m ²	
	- Nhà tạm	m ²	
	Giường bệnh	Cái	3,0
7	Số phòng học phổ thông	Phòng	25,0
8	Nhà trẻ	Nhà	-
9	Lớp Mẫu giáo	Lớp	1,0
10	Số hộ gia đình	Hộ	715
11	Số nhân khẩu	Khẩu	3.660
	- Người ở độ tuổi lao động	Người	1.948

XÃ PHỐ CÁO THÁNG 12/1998

Số TT	Tên thôn bản	Số lượng gia súc bán trong năm (kg)				Một số khoản chi tiêu bình quân hộ/năm (1000 đ)							Số hộ thiếu ăn (hộ)		Ngành nghề truyền thống của địa phương	
		Trâu	Bò	Ngựa	Dê	Lợn	Nộp thuế (SX)	Chi phí phân bón (SX)	Mua lương thực	Dầu hoả	Chăn nuôi quần áo	Học hành	Mua chay cuối xuân	Dưới 3 tháng		3 tháng trở lên
1	Lán xã A	0	400	0	0	1010	74	322	484	98	580	21	143	18	24	Đệt lanh
2	Lán xã B	0	0	0	0	870	435	700	1076	218	887	304	167	1	11	Miến dong (SX)
3	Trảng phước A	0	200	0	30	120	0	272	443	91	446	95	43	22	34	Đệt lanh ; SX ngồi
4	Trảng phước B	0	1000	0	0	210	0	225	634	97	447	6,2	110	15	35	Đệt lanh
5	Sửa xã A	0	400	0	0	240	0	445	468	96	84	229	0	40	15	Đệt lanh
6	Sửa xã B	0	600	0	0	540	0	321	364	41	424	12	398	28	16	Đệt lanh
7	Lũng sinh	0	200	0	90	160	0	280	565	94	425	43,5	55	8	32	Đệt lanh
8	Hố súng	0	250	0	0	215	0	243	665	84	490	0,28	0	12	24	Đệt vải lanh
9	Xã lũng A	0	0	0	0	110	0	229	472	88	398	5,3	109	21	11	Đệt vải lanh
10	Xã lũng B	0	1000	0	0	180	0	211	628	83	418	15	72	7	18	Đệt vải lanh
11	Chung pả A	300	2200	0	105	2690	9	125	94	72	693	86	145	54	15	Nuôi ong; SX ngồi; đệt vải lanh
12	Chung pả B	0	400	0	15	1055	15	291	182	56	400	0	137	49	2	SX ngồi ; đệt lanh
13	Sẻo lũng	0	400	0	15	1025	16	184	136	111	202	0	100	16	14	Đệt lanh
14	Sáng pả	0	800	0	105	1292	16	188	157	43	217	0	74	42	32	Đệt lanh
15	Hầu chùa Ván	300	0	0	60	700	16	135	205	44	229	0	86	9	26	Đệt lanh
16	Khố lư	0	200	0	0	246	16	151	228	49	314	0	0	11	2	Đệt lanh
17	Suối thầu	0	400	0	0	560	16	176	174	45	231	0	96	17	11	Đệt lanh
18	Tả tồ	0	0	0	0	210	16	192	147	37	275	0	0	14	9	Đệt lanh
	Tổng cộng	600	8450	0	420	11433	TH: 35	TB260	TB396	TB: 80	TB398	TB: 45	TB: 96	384	331	

Trâu	~ 300 kg
Bò	~ 200
Dê	~ 15 kg
Ngựa	~ 200 kg

Tổng chỉ tiêu của hộ/năm : 1.310.000
 Trung bình chỉ tiêu của 1 người/năm : = 256.000

STT	Tên thôn bản	Nhà ở của hộ gia đình (nhà)			Đại thụ thành (cái)	Đài Carrethe (cái)	Máy khâu (cái)	Máy thủy điện nhỏ (cái)	Máy xay xát (cái)	Xe trâu xe cải tiến (chiếc)	Lô gạch ngói (lô)	Hộ lò rèn (hộ)	Số lượng gia súc có đến 31/12/97 (con)					
		Trình tường lợn ngói	Trình tường lợn lá	Nhà tạm									Trâu	Bò	Ngựa	Đe	Lợn nái	Lợn thịt
1	Lán xỉ A	32	2	8	21	5	12	0	3	0	0	0	0	48	4	8	0	61
2	Lán xỉ B	3	8	0	8	1	2	0	0	0	0	0	2	7	0	0	0	14
3	Tráng phùng A	19	6	31	19	2	3	0	0	5	2	0	4	41	1	4	0	35
4	Tráng phùng B	16	7	27	10	0	1	0	0	0	0	0	0	36	0	0	0	31
5	Sủa pả A	27	1	26	23	4	4	0	2	0	0	0	17	76	2	0	0	53
6	Sủa pả B	14	3	27	16	1	1	0	1	12	0	0	2	59	1	7	1	48
7	Lùng sình	10	0	30	13	1	4	0	0	0	0	3	0	30	11	28	0	20
8	Hả sình	5	4	27	12	1	1	0	0	0	0	0	0	18	1	0	0	22
9	Xả lũng A	6	3	23	10	1	0	0	0	0	1	0	0	29	0	14	0	25
10	Xả lũng B	2	5	18	9	0	0	0	0	0	0	0	0	22	0	8	0	15
11	Chủng pả A	51	2	16	46	0	0	0	1	20	4	0	40	65	2	33	1	103
12	Chủng pả B	29	2	20	18	0	1	0	1	20	3	0	21	45	0	11	0	55
13	Sẻo lũng	9	3	16	9	1	0	0	0	0	0	0	7	24	0	5	0	23
14	Sảng pả	18	16	40	14	0	0	0	1	0	0	0	4	54	1	13	0	48
15	Hầu chúa Ván	5	1	29	10	0	0	0	0	0	0	0	1	31	2	35	0	24
16	Khố trụ	0	1	12	2	0	0	0	0	0	0	0	0	21	0	0	0	6
17	Suối thẩu	0	1	27	10	0	0	0	0	0	0	0	0	23	3	0	0	14
18	Tả tò	0	0	23	4	0	0	0	0	0	0	0	0	28	0	0	0	15
	Tổng cộng	246	65	400	254	17	29	0	9	57	10	3	98	657	22	166	2	612

- Sủa Pả A ở nhờ 1 ; Sẻo lũng 2 ; Lán xỉ B 1

UBND TỈNH HÀ GIANG
Sở KHCN & môi trường
Số /BC-KCM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----oOo-----

Hà giang, ngày tháng 12 năm 2000.

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Tên dự án:

Áp dụng tiến bộ KHCN hỗ trợ phát triển kinh tế hộ gia đình đồng bào các dân tộc vùng cao, tại xã Phố cáo, huyện Đồng văn, tỉnh Hà giang

Goi tắt là: Dự án Phố cáo.

Cơ quan quản lý:

Bộ KHCN môi trường
UBND tỉnh Hà giang.

Cơ quan chủ trì thực hiện :

Sở khoa học, công nghệ và môi trường.

Cơ quan phối hợp CGCN:

Viện Thổ nhưỡng nông hoá
Trung tâm TT-CG công nghệ Hà giang.

Năm thực hiện:

Năm 1999 - 2000.

I - TÓM TẮT MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG DỰ ÁN

Xoá đói, giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội Nông thôn miền núi là vấn đề bức xúc mà Đảng và Nhà nước ta đang quan tâm giải quyết. Cuối năm 1998, sau khi được Bộ KH, CN & MT và UBND tỉnh Hà giang phê duyệt, dự án: **Xây dựng mô hình ứng dụng KHCN phát triển kinh tế hộ đồng bào các dân tộc tại xã Phố cáo**, đã được triển khai với thời gian thực hiện từ tháng 12 năm 1998 đến tháng 12 năm 2000

Khái quát một số đặc điểm kinh tế vùng dự án

Phố Cáo là một xã biên giới vùng núi cao thuộc huyện Đồng Văn, tổng diện tích đất đai tự nhiên: 3.589 ha.

Trong đó :

- Đất sản xuất lúa, nương rẫy: 396 ha, chiếm ~11%. Có 72,2 ha diện tích trồng lúa nước, những năm gần đây một số hộ dân được cán bộ Phòng NN&PTNT huyện cùng cán bộ khuyến nông viên cơ sở hỗ trợ, tuyên truyền, thấy được ưu điểm của giống mới, đã biết sử dụng giống lúa lai TQ thay cho giống cũ năng suất thấp trên một số diện tích, nhưng với hơn 400 ha trồng ngô, giống lai cũng chỉ được người dân đưa vào sản xuất 32% diện tích

- Đất lâm nghiệp : 184,2 ha, chiếm ~ 5,1%.
- Đất dốc và núi đá là : 2.608 ha chiếm tỷ lệ 73%.

Phổ cáo có tổng số 715 hộ gia đình, gồm 3.660 nhân khẩu, nữ chiếm 57,4%. Trong đó có 4 dân tộc anh em chủ yếu sinh sống gồm: H'mông 96,7%; Hán 2,5%; Pu Páo 0,6 và Dao 0,2%...

Sản xuất chủ yếu là thuần nông, cơ cấu cây trồng chính là ngô và lúa, trồng 1 vụ/năm, hai năm gần đây thêm 1 số diện tích nhỏ đậu tương, khoai tây... Các số liệu điều tra về thu nhập cho thấy tổng chi phí của một hộ trung bình đạt 1.310.000 đ/năm, tổng chi của một người dân (tính bằng kg lương thực quy tiền) là 256.000đ/năm và tổng số hộ thiếu ăn trên 3 tháng là 46,3%.

(Số liệu điều tra tháng 12 năm 1998)

Trên cơ sở tình hình thực tế như vậy, việc xác định các mục tiêu và nội dung của dự án là việc rất cần thiết, để làm sao qua dự án bật được tiềm năng của địa phương phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội.

1. Các mục tiêu chủ yếu:

- Nghiên cứu, đưa một số TBKT mới : Cây, con giống mới; Lựa chọn thay đổi cơ cấu mùa vụ; Kỹ thuật canh tác hợp lý trên thổ nhưỡng địa bàn; Đào tạo khuyến nông cho nhân dân; Xây dựng và củng cố mạng lưới khuyến nông cơ sở từ người sản xuất giỏi hoặc trưởng thôn bản, làm nòng cốt cho xã. Tạo thói quen sử dụng các TBKT mới trong sản xuất, đời sống nhân dân.

- Tăng hệ số sử dụng đất của địa bàn lên 1,5 đến 2 lần. Tăng thu nhập bình quân đầu người nơi dự án triển khai từ 1,3 đến 1,5 lần.

1 Tạo được mô hình phát triển kinh tế hộ gia đình đồng bào các dân tộc trong việc áp dụng các TBKT vào sản xuất, đời sống nhân dân, tạo sức bật cho phát triển kinh tế từ tiềm năng sẵn có của địa bàn. Từ đó tổng kết được mô hình tốt nhằm duy trì cho cơ sở những năm sau và áp dụng cho những địa bàn khác trong tỉnh.

2. Nội dung - Quy mô dự án:

- Thâm canh tăng năng suất cây lương thực: 6 ha lúa; 10 ha ngô (Trong 2 năm).
- Luân canh cây lương thực và cây thực phẩm có giá trị kinh tế, nhằm tăng hệ số sử dụng đất, tăng thu nhập trên diện tích gieo trồng cải thiện đời sống nhân dân: 3 ha đậu tương - lúa và 3 ha ngô - đậu tương (Trong 2 năm).
- Đưa cây, con giống mới nhưng vẫn phù hợp với nhu cầu sử dụng của dân vào cơ cấu cây trồng; Lựa chọn quỹ thời gian canh tác để thay đổi và tăng vụ cho địa bàn. Sử dụng hợp lý đất canh tác, bảo vệ môi trường.
- Hỗ trợ phát triển chăn nuôi dựa trên tiềm năng sẵn có của địa phương (Phát triển 20 con bò và đưa vào kỹ thuật chăn nuôi 1.000 con vịt chuyên trứng).
- Đào tạo được đội ngũ kỹ thuật viên nhân dân làm nòng cốt cho địa bàn.

- Xây dựng được mô hình phát triển kinh tế hộ gia đình để tạo đà nhân rộng ra những nơi khác. đúc kết được bài học kinh nghiệm cho việc đầu tư phát triển nông thôn miền núi tại những nơi có điều kiện tương tự tại địa bàn tỉnh.

Cùng với dự án đầu tư của Bộ, tỉnh Hà giang có dự án đối ứng với nội dung tương tự, triển khai riêng tại thôn Chung pả B của xã Phố cáo với diện tích luân canh mỗi vụ là 15 ha, thời gian thực hiện từ tháng 12/1998 đến tháng 12 năm 2000. Với tổng kinh phí là 144 triệu đồng (*Chủ yếu là hỗ trợ các vật tư*). Trong đó kinh phí tổ chức triển khai chung từ nguồn triển khai dự án của Bộ.

(Dự án tỉnh: 5 ha đậu tương - 5 ha lúa; 5 ha đậu - 5 ha ngô và 5 ha ngô - 5 ha đậu, trong 2 năm)

3. Các cơ quan tham gia thực hiện:

- **Trung tâm thông tin và chuyển giao công nghệ Hà giang** (Theo hợp đồng uỷ quyền của chủ nhiệm dự án số 120/HĐ-KCM, ngày 20/12/1998). Thực hiện một số nội dung chính của dự án : *Tổ chức chỉ đạo trồng cây LTTP, thâm canh, luân canh; Trồng cỏ phục vụ chăn nuôi; Trồng rừng phủ xanh đồi trọc; tổ chức vận chuyển và phân phối vật tư dự án cho nhân dân tại địa bàn; tổng hợp báo cáo, thống kê quá trình thực hiện....* Tổng kinh phí là 212.092.000 đồng.
- **Viện thổ nhưỡng nông hoá Quốc gia** : Thực hiện các hạng mục về phát triển chăn nuôi của dự án. Với tổng kinh phí thực hiện theo Hợp đồng số 273/HĐ-KCM, ngày 09/6/1999 là : 87.000.000 đồng.

4. Tổ chức thực hiện:

Sau khi được phê duyệt, tổ công tác của dự án đã được UBND tỉnh ra quyết định thành lập, thành phần là Chủ nhiệm dự án, các cơ quan tổ chức triển khai và Đại diện chính quyền địa phương và đi vào hoạt động ngay, nhằm tổ chức triển khai dự án kịp tiến độ, mục tiêu đặt ra.

Hoạt động chỉ đạo thực hiện dự án gắn với hoạt động của chính quyền địa phương và đội ngũ trưởng thôn bản.

Để đảm bảo thời vụ, chủ nhiệm dự án cho bắt đầu tổ chức triển khai từ tháng 12/1998. Trong 2 năm thực hiện dự án đã thu được kết quả như sau:

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MÔ HÌNH

Công tác khảo sát địa bàn :

Trong quá trình khảo sát chọn hộ, đa số nhân dân vẫn quen theo tập quán cũ, chưa tin tưởng vào dự án, cho rằng: *Không thể làm luân canh được, bởi thường năm phải đến tháng 2 hoặc tháng 3 âm lịch bà con mới triển khai gieo trồng (1 vụ chính), nếu trồng theo tiến độ của dự án (Cuối tháng 12 và trước 15/1 âm lịch) thì sẽ không cho thu hoạch, hoặc ảnh hưởng đến thời vụ sau.*

Tổ kỹ thuật của dự án đã vận động đến tận từng hộ gia đình phân tích, trong đó tập trung vào các hộ biết làm ăn và các đồng chí trưởng thôn bản, cùng với sự tác động và gương mẫu của đồng chí Bí thư và Chủ tịch xã làm trước, dần dần bà con đã nghe theo và từng bước học tập nhau làm theo dự án.

Sau quá trình cùng chính quyền địa phương, các trưởng thôn bản, kết hợp ý kiến của các già làng và những hộ sản xuất nông nghiệp tốt của địa phương, tổ kỹ thuật dự án đã chọn xong địa bàn: Các mô hình thâm canh, luân canh lúa tập trung ở 4 thôn chủ yếu: Chúng pả, Chúng pả B, Sủi pả A, Sủi pả B.

Còn lại các mô hình khác sẽ căn cứ vào khả năng, điều kiện cụ thể của mỗi thôn và từng hộ để quyết định thực hiện theo nội dung dự án. Trong quá trình thực hiện, qua mỗi vụ, tổ kỹ thuật của dự án sẽ lựa chọn lại các hộ thực hiện, sao cho quá trình quản lý được chặt chẽ và có hiệu quả cao nhất. Cụ thể số hộ thực hiện qua các vụ như sau:

Năm 1999:

- Vụ xuân:

279 hộ tham gia mô hình thâm canh và luân canh ngô.

92 hộ tham gia mô hình thâm canh đậu tương trong công thức luân canh.

- Vụ hè thu:

97 hộ tham gia mô hình luân canh đậu tương với ngô xuân.

14 hộ tham gia mô hình thâm canh lúa.

24 hộ tham gia mô hình luân canh lúa với đậu tương xuân.

Năm 2000:

- Vụ xuân:

56 hộ tham gia mô hình thâm canh đậu tương trong công thức luân canh.

93 hộ tham gia mô hình thâm canh và luân canh ngô.

- Vụ hè thu:

62 hộ tham gia mô hình luân canh đậu tương với ngô xuân.

22 hộ tham gia mô hình thâm canh lúa.

14 hộ tham gia mô hình luân canh lúa với đậu tương xuân.

Về nguyên tắc triển khai dự án: Tổ chức cùng UBND xã và các Trưởng thôn bản họp bàn nội dung triển khai. Cấp phát các vật tư được các đại diện gồm: Cán bộ dự án, Cán bộ xã, Trưởng thôn - cấp phát trực tiếp cho từng hộ của mỗi thôn, bản theo kế hoạch đã được thống nhất, trên tinh thần công khai, có sự giám sát lẫn nhau và đảm bảo 100% lượng vật tư dự án đến hộ tham gia thực hiện.

Sau mỗi một đợt triển khai, cán bộ kỹ thuật tổ chức họp tại xã để rút kinh nghiệm và bàn tổ chức thực hiện các công tác tiếp theo của dự án. Đảm bảo chỉ đạo nhân dân thực hiện đúng tiến độ và kỹ thuật cũng như những phát sinh - Lúc nào cũng có mặt cán bộ kỹ thuật của dự án tại địa bàn.

Với kết quả trên ta thấy rằng công tác điều tra và chuẩn bị dự án là hết sức cần thiết, nó có tính quyết định đến sự thành công của dự án trong quá trình thực hiện và hiệu quả lâu dài của chương trình.

Một số diễn biến thời tiết nổi bật tại địa bàn trong quá trình triển khai có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả thực hiện dự án:

Đầu năm 1999 thời tiết Phổ cáo khô hạn kéo dài đến cuối tháng 3 (29/3) mới có một trận mưa phùn nhẹ, lượng mưa không đáng kể. Theo kết quả cập nhật về thời tiết (Nhật kí theo dõi trong quá trình triển khai dự án) Mùa mưa từ tháng 4 đến tháng 9, mưa tập trung vào các tháng 5,6,7,8; Lượng mưa bình quân 1400 đến 1500 mm. Số ngày mưa trong năm 70 - 80 ngày. Nhiệt độ trung bình trong năm là 17 - 23 °C, mùa đông trong các đợt không khí lạnh thấp 9 -11 °C, thường xuất hiện mây mù dày và sương giá. Mùa đông năm 1999 xuất hiện sương muối vào cuối tháng 11, gây thiệt hại nhiều diện tích khoai tây và hoa màu khác.

Ngày 31 tháng 1 năm 2000, sau nhiều ngày rét đậm kéo dài từ 7 - 9 °C, nhiệt độ hạ thấp xuống 1°C, thủy kế chỉ -0,5°C. **Mưa tuyết rơi** tạo lớp dày 5-7cm trên mặt đất, thời gian tuyết phủ kéo dài từ 5 giờ sáng đến 12 giờ trưa mới tan hết, làm chết, hỏng nhiều loại cây trồng và giới thực vật tự nhiên.

Cuối tháng 7 trở đi lượng mưa thấp gây hạn cho các ruộng lúa trong các thời kỳ đẻ nhánh, trổ bông, làm lúa đẻ nhánh kém, trổ bông không thoát hần khỏi cổ bông, ảnh hưởng nhiều đến năng suất.

1. Kết quả thực hiện Mô hình thâm canh và luân canh cây lương thực:

Về quy mô, khối lượng mô hình thâm canh và luân canh cây lương thực chúng tôi thể hiện ở bảng 1:

Bảng 1.

Năm thực hiện		Hạng mục	Diện tích triển khai (Ha)			So với kế hoạch (%)		
			Đậu tương	Ngô	Lúa	Đậu tương	Ngô	Lúa
1999	Vụ xuân	Thâm canh					143	
		Luân canh	3,0	14,3	100	100		
	Vụ hè thu	Thâm canh		3,0	6,2			104
		Luân canh	3,0		3,0	100		100
2000	Vụ xuân	Thâm canh		6,2			109	
		Luân canh	3,0	3,0	100	100		
	Vụ hè thu	Thâm canh			6,0			100
		Luân canh	3,2		3,0	107		100
Tổng số:			12,2	26,5	18,2	102	102	101

Bảng 2. Tổng lượng vật tư đã cấp trong 2 năm thực hiện:

Loại vật tư	Đơn vị	Lượng cấp		
		Năm 1999	Năm 2000	Tổng số
Giống ngô	Kg	512	275,0	787,0
Giống đậu tương	Kg	394	372,5	766,5
Giống lúa	Kg	327	540,0	867,0
Phân hữu cơ Humix:				
- Loại bón	Kg	21 500	22 370,0	43 870,0
- Loại phun	Lọ	1 396	549,0	1 945,0
Phân vô cơ:				
- Đạm ure	Kg	1 701	1 362,0	3 063,0
- Kali	Kg	1 754	1 362,0	3 116,0
- Lân super	Kg	3 571	2 775,0	6 346,0
Thuốc BVTV:				
Ofatox400EC (240ml)	Lọ	51	40	91
Bitox 40EC (100ml)	Lọ	28	62	90
Fujion (100ml)	Lọ	3	-	3

Tuy có nhiều yếu tố tác động : Tập quán sản xuất lâu đời, diễn biến thời tiết không thuận, bước đầu người dân chưa tin vào kỹ thuật mới. Nhưng được sự chỉ đạo sát sao của ban chỉ đạo dự án, qui mô diện tích các vụ sản xuất trong các mô hình thâm canh và luân canh triển khai đều đạt được bằng và cao hơn so với kế hoạch. Chúng loại vật tư và số lượng đã được triển khai tập kết đủ và đúng theo thời vụ yêu cầu.

Tiến độ của các vụ được tổ công tác dự án nghiên cứu và chỉ đạo nhân dân xuống ruộng kịp thời, đảm bảo chu kỳ luân canh đạt được các yêu cầu thời gian. Tổ kỹ thuật luôn cập nhật diễn biến thời tiết và sâu bệnh, theo dõi và chỉ đạo sát sao quá trình thực hiện của từng vụ, ghi chép đầy đủ nhật ký theo dõi thực hiện... Cuối mỗi vụ đều có tổ chức các hội nghị đầu bờ đánh giá và tổ chức thống kê sản lượng, năng suất khoa học và chính xác.

Nhận xét:

- Trong quá trình sinh trưởng trên đồng ruộng, các cây trồng giống mới: lúa Sán, ưu 63, ngô Q-2 nguyên chủng, đậu tương TL-57 và đậu tương ĐT-92 đều sinh trưởng tốt trong điều kiện tự nhiên của địa phương. Thời gian sinh trưởng của từng loại cây trồng tuy có kéo dài hơn vùng đồng bằng, nhưng đều đảm bảo luân canh thời vụ với cây trồng khác trong công thức luân canh.

- Đối với đất ruộng, để thực hiện công thức luân canh đậu tương xuân - lúa mùa, trong điều kiện sản xuất đại trà: Diện tích lớn, nhiều hộ gia đình tham gia, nhận thức về KHKT khác nhau, dẫn đến không đồng đều trong tổ chức, bố trí lao động... có thể gây ảnh hưởng đến cây trồng của vụ sau trong công thức luân canh (Vụ 1, một số hộ gia đình do trồng muộn đã phải nhổ bỏ đậu tương với tổng diện tích 8.000 m²). Vì vậy, dự án khuyến cáo nên sử dụng giống đậu tương DT-92 ngắn ngày hơn TL-57 từ 10 -15 ngày, để tăng độ an toàn về thời vụ cấy lúa mùa, nâng cao hiệu quả của dự án.

Kết quả thống kê Năng suất các vụ, trong 2 năm sản xuất ở bảng 3.

Năm thực hiện		Hạng mục	Năng suất (Tạ/ha)		
			Đậu tương	Ngô	Lúa
1999	Vụ xuân	Thâm canh	-	34,18	-
		Luân canh	13,70	34,18	-
	Vụ hè thu	Thâm canh	-	-	56,39
		Luân canh	14,79	-	49,51
2000	Vụ xuân	Thâm canh	-	37,93	-
		Luân canh	17,71	37,93	-
	Vụ hè thu	Thâm canh	-	-	58,15
		Luân canh	13,4	-	48,26
Bình quân:		Thâm canh	14,93	36,05	57,27
		Luân canh	14,93	36,05	48,88

Qua kết quả trên Chúng tôi có một số nhận xét sau:

Qua kết quả thực hiện của dự án năng suất và hiệu quả kinh tế của các cây trồng trong mô hình tăng hẳn so với cây trồng (đối chứng) cùng loại không đầu tư trên diện tích 1ha (Phụ lục 11):

- Lúa thâm canh năng suất tăng 2,12 lần; Hiệu quả kinh tế tăng 1,96 lần.
- Ngô thâm canh năng suất tăng 1,72 lần; Hiệu quả kinh tế tăng 1,39 lần.
- Đậu tương năng suất tăng 2,08 lần; Hiệu quả kinh tế tăng 1,50 lần.

Hiệu quả các mô hình luân canh:

- Đối với đất lúa một vụ mô hình **đậu tương - lúa mùa** đã nâng được hệ số sử dụng đất từ 1- 1,2 lên 2 lần. Hiệu quả kinh tế tăng 2,23 lần so với độc canh lúa không đầu tư trong dự án.

- Đối với đất màu: mô hình **ngô - đậu tương** hiệu quả kinh tế, tăng 1,44 lần so với đối chứng - không đầu tư của dự án.

Tóm lại:

- Trên đất ruộng và đất trồng ngô nếu được đầu tư thâm canh thì hàng năm tại Phố Cáo có thể tăng được sản lượng lương thực đáng kể.

- Nếu sử dụng đậu tương TL-57 trong công thức luân canh thì phải tổ chức trồng xong trước tiết lập xuân hàng năm (mùng 4/2) và phải có trình độ thâm canh tốt. Trong điều kiện của địa bàn, dự án khuyến cáo nên chọn cơ cấu cây trồng có thời gian sinh trưởng ngắn như đậu tương DT-92... và cán bộ khuyến nông cơ sở chỉ đạo bà con xuống ruộng sớm thì hàng năm sẽ đảm bảo công thức luân canh trên đất ruộng và đất ngô thêm một vụ cây công nghiệp ngắn ngày - tăng thu nhập trên một diện tích đất, cải tạo đất cho vụ sau trồng cây lương thực được tốt hơn.

- Đa số Nhân dân tiếp thu dự án nhanh và ham muốn đưa giống mới vào sản xuất. Trong quá trình thực hiện bà con có nhiều sáng kiến kết hợp các TBKT với việc phát huy các tập quán sản xuất tốt của địa phương nên dự án triển khai được thuận lợi đạt hiệu quả.

2. Mô hình Trồng cỏ Guatêmaglas:

Tập huấn kỹ thuật:

Sau thời gian lựa chọn các hộ trồng cỏ đảm bảo tập trung và bảo vệ được. Ngày 16/8/99 tổ kỹ thuật của dự án đã kết hợp cùng UBND xã Phố Cáo tổ chức mở lớp tập huấn kỹ thuật trồng cỏ Guatêmaglas tại hội trường UBND xã.

Học viên bao gồm 10 trưởng thôn bản và các chủ hộ tham gia trồng cỏ.

Sau quá trình được giảng viên lên lớp về lý thuyết. Các học viên được hướng dẫn thực hành trồng cỏ và được giải đáp những vướng mắc trong khi tiếp thu.

Kết quả thực hiện:

Ngày 15/8/99, giống cỏ và vật tư kèm theo đã được tập kết tại UBND xã Phố Cáo. Đảm bảo các thủ tục cấp phát nhanh gọn cho các chủ hộ ngay sau khi tập huấn xong.

Tổng lượng hom cỏ Guatêmaglas và vật tư cấp kèm theo gồm:

Cỏ guatêmaglas: 69600 hom

Phân bón HUMIX: 2900 kg.

Tổng diện tích trồng được 4,9 ha, đạt 98% diện tích kế hoạch, chủ yếu tập trung tại 9 thôn, bao gồm: Tráng phúng A,B; Lán xì A; Sủi pả A,B; Chủng pả A, B; Sả lũng B và Há sủng.

Bảng 5: Lượng cỏ guatêmalas giống và phân bón cấp cho các hộ nhận trồng cỏ theo nội dung dự án.

S tt	Đại diện các chủ hộ	Thôn	Diện tích (m ²)	Lượng vật tư		Ngày cấp	Ngày trồng	Ghi chú
				Hom cỏ (hom)	Phân bón Humix (kg)			
1	Vừ Nhì Páo	Tg phúng A	8500	12000	500	16/8/99	17-20/8/99	14000hom/ha 0,04kgHumix/1Hom
2	Cự ch. Mua	Chúng pả A	17000	24000	1000	17/8/99	17-18/8/99	
3	Sùng Nỏ Páo	Sù pả B	4300	6000	250	17/8/99	18/8/99	
4	Vàng Xía Chúa	Há sùng	4300	6000	250	17/8/99	17-18/8/99	
5	Vàng Nỏ Páo	Lán xì A	4300	6000	250	17/8/99	18-19/8/99	
	Giàng Dúng Giàng	Tr. phúng B	4300	6000	250	17/8/99	18-19/8/99	
	Thào Nhì Vừ	Sù pả A	4300	6000	250	19/8/99	21/8/99	
8	Thào Mí Páo	Chúng pả A	850	1200	50	17/8/99	17/8/99	
9	Vừ Chúa Vàng	Chúng pả B	850	1200	50	18/8/99	18-20/8/99	
10	Sùng Dúng Cầu	Sà lùng B	850	1200	50	17/8/99	18-19/8/99	
		T.số	49550	69600	2900			

¹ Theo kết quả đợt kiểm tra cỏ ngày 21 đến 25/11/99, cỏ đã sinh trưởng đạt chiều cao từ 35 đến 105 cm và có từ 7- 9 lá, sức sống tốt đang sinh trưởng khá mạnh về thân lá.

Vào mùa khô lượng nước hiếm dân, cây cỏ sinh trưởng chậm lại. Đến ngày 31/1/2000, sau nhiều ngày rét đậm kéo dài, mưa tuyết rơi dày 5 -7 cm trên các sườn đồi làm tấp hàng loạt các loại cây trồng, trong đó có tương đối lớn diện tích cỏ của dự án.

Hiện tại chỉ còn 100 m² ở thôn Chúng pả B và 200 m² của thôn Tráng phúng A, các diện tích này do nằm trên sườn dốc lớn, ít bị ảnh hưởng của tuyết phủ nên không bị thiệt hại hoàn toàn, hầu hết bị chững sinh trưởng, tấp lá, lâu phục hồi (Kết quả kiểm tra ngày 4/4/2000)

Tóm lại: Đối với địa hình và điều kiện tự nhiên như ở xã Phố cáo, cỏ Boatemalas sinh trưởng tốt, cỏ khả năng phát triển để tận dụng đất và phủ xanh đồi trọc, tạo nguồn thức ăn dự trữ cho đại gia súc rất tốt.

3. Mô hình chăn nuôi:

3.1. Mô hình chăn nuôi vịt siêu trứng:

Tại địa bàn, bà con tự nuôi và phát triển giống vịt, ngan địa phương rất có hiệu quả, sau khi nghiên cứu và thảo luận với huyện và xã cũng như nguyện vọng của nhân dân, dự án đã mạnh dạn đầu tư mô hình Vịt chuyên trứng. Sau hai năm thực hiện mô hình, đã cung cấp 1000 con vịt giống siêu trứng 3-4 tuần tuổi cho 52 hộ có điều kiện tham gia mô hình, chia làm 2 đợt, mỗi đợt 500 con (Đợt 1: tháng 6/1999; Đợt 2: tháng 4/2000).

Số vịt của đợt 1 đã trưởng thành, đẻ lứa trứng đầu từ tháng 12 năm 1999, trung bình số trứng mỗi tháng một con vịt đẻ 20 - 24 quả, hiện nay vẫn đẻ đều trong điều kiện nuôi thả tự do, các hộ dân đã dùng biện pháp ấp trứng thủ công đạt hiệu quả cao. Bước đầu đàn vịt đã thích nghi cũng như sự phát triển được tốt tại địa bàn dự án.

Số vịt đợt 2, đưa lên xã Phố cáo tháng 4 năm 2000, đang sinh trưởng tốt, trọng lượng đạt trung bình 1,5 - 1,8kg/con. Hiện tại, đã đẻ trứng, nhiều hộ nhân dân do không được cấp giống đã mua trứng vịt Khakhicambell về ấp nở và nuôi, phát triển thành công, như gia đình ông Páo (Chúng pả A), một số hộ ở Suối thầu, Sủng là, Đồn biên phòng Phó bảng...

Mô hình chăn nuôi vịt siêu trứng đã phát huy được hiệu quả tại địa phương, bước đầu đã góp phần tăng thu nhập cho các hộ tham gia mô hình. Hàng tháng sau khi trừ chi phí các hộ tham gia mô hình cũng thu được 84 000đ - 340 000đ tùy thuộc vào số con/đàn, điển hình như các gia đình bà Vàng thị Sinh, Thào mi Páo, Vừ sé Chá.....

3.2. Mô hình phát triển chăn nuôi bò vàng giống địa phương:

Đến hết tháng 3 năm 2000 dự án đã triển khai đủ số bò 20 con cho 20 hộ theo nội dung dự án. Với phương thức triển khai hợp lý: cho các thôn tự bình chọn người được nuôi bò; Mua bò ngay tại trong thôn đảm bảo về mặt pháp lý, tránh lây lan dịch bệnh, chính quyền địa phương dễ quản lý, đã tạo hiệu quả cho đầu tư đúng mục đích của dự án. Trong năm 2000 số bò đã sinh sản được 5 con bê, một số con đang có chửa chắc chắn sẽ tăng thêm trong thời gian tới.

Đối với mô hình này đã được người dân địa phương tiếp nhận và có khả năng nhân rộng được trong thời gian tới.

3.3. Tập huấn kỹ thuật và hỗ trợ thú y cơ sở:

Dự án đã tổ chức tập huấn được 2 lớp về nội dung kỹ thuật chăn nuôi vịt siêu trứng, 1 lớp kỹ thuật phòng chống bệnh cho gia súc, gia cầm. Tổng số 200 lượt người đã được tập huấn về các KT chăn nuôi.

Tổ chức hỗ trợ 1 tủ thuốc và dụng cụ tiêm phòng dịch bệnh gia súc, tổ chức tiêm phòng được 1 lần đại gia súc trong toàn địa bàn xã Phố cáo. Trong năm 2000 đã hỗ trợ thêm 10 bộ dụng cụ thú y cơ động (Tủ da) kèm thuốc phòng dịch bệnh cho xã nhằm hỗ trợ thêm cho công tác phòng chống dịch bệnh.

Tổ chức phát thuốc và hướng dẫn phòng chống bệnh của gia cầm cho các hộ chăn nuôi gia cầm ở các thôn, bản.

Đã hỗ trợ tổ chức tiêm phòng các bệnh dịch tả, tụ huyết trùng trâu bò ở các thôn bản, tổng số trâu bò được tiêm là 557 con.

Tóm lại: Với mục tiêu phát triển đàn bò nền giống địa phương và mạnh dạn đưa vịt chuyên trứng lên Phố cáo thành công, đã làm thay đổi cách nghĩ của người dân, tiếp cận với các TBKT mới, bà con rất phấn khởi, tin tưởng và tự phát nhân rộng mô hình ra các vùng lân cận - đây là một kết quả rất tốt của dự án.

4. Huấn luyện đào tạo tuyên truyền:

Năm 1999:

Song song với tập kết vật tư, dự án đã tổ chức lớp tập huấn khuyến nông đợt 1 của dự án cho nhân dân vùng dự án với 5 nội dung:

- + Kỹ thuật trồng lúa.
- + Kỹ thuật trồng ngô.
- + Kỹ thuật trồng đậu tương.
- + Kỹ thuật BVTV.
- + Kỹ thuật sử dụng đất dốc và bón phân cân đối.

Với các đồng chí giảng viên là các Chuyên gia của các ngành chuyên môn như : Chi cục BVTV tỉnh, Công ty phân bón hữu cơ Humic, các kĩ sư của Trung tâm TT-CN kĩ thuật Hà giang.

- Tổ chức soạn và in ấn các tài liệu, quy trình kĩ thuật cần thiết (5 loại) nội dung ngắn, gọn, dễ đọc, dễ hiểu cung cấp cho dân. Trong thời gian 4 ngày, tại UBND xã Phố cáo: Dự án đã phát và cấp các tờ bướm, tài liệu quy trình kĩ thuật cho các hộ tham gia thực hiện dự án, tiến hành tập huấn từng phần, trong quá trình tập huấn 330 lượt người đã được tiếp thu các kiến thức cơ bản và được thực hành tại các chân ruộng, để có thể nắm rõ kĩ thuật, sử dụng vào dự án và sản xuất, đời sống.

- Đào tạo được 5 cán bộ Trưởng xóm làm nông cốt khuyến nông. Trước mắt, cùng cán bộ kĩ thuật dự án tham gia điều hành sản xuất, sau nữa là tạo tiền đề củng cố mạng lưới kĩ thuật viên nhân dân về sau.

- Tổ chức thành công Hội nghị đầu bờ, ngày 01 tháng 10 năm 1999, tại xã Phố cáo, đánh giá kết quả năm đầu có sự góp phần hết sức to lớn của các Ban, Ngành trong Tỉnh, huyện Đồng văn cũng như Chính quyền và nhân dân xã Phố cáo.

Năm 2000:

Căn cứ vào tình hình thực hiện của các hộ tham gia mô hình. Vụ xuân 2000, thời gian từ ngày 6 đến ngày 7 tháng 5. Tổ kĩ thuật của dự án đã tổ chức tập huấn lại 3 nội dung cơ bản rất cần thiết cho người dân vùng địa bàn hoạt động là:

- + Kỹ thuật trồng lúa.
- + Kỹ thuật trồng ngô.

+ *Kỹ thuật trồng đậu tương.*

Giảng viên là các kỹ sư của trung tâm TT-CN, kỹ thuật Hà giang và các kỹ sư chuyên ngành trong tổ kỹ thuật dự án đã truyền đạt cho 98 lượt người dân theo những nội dung trên. Đảm bảo cho người dân hiểu sâu hơn về những cây lương thực chính đang trồng và những biện pháp kỹ thuật tác động của con người một cách khoa học sao cho có hiệu quả cao nhất.

Vụ hè thu năm 2000, dự án đã tổ chức tập huấn trong thời gian 2 ngày (Từ ngày 6 đến ngày 7 tháng 8) cho 100 lượt người, với nội dung:

+ *Kỹ thuật thâm canh.*

+ *Kỹ thuật luân canh.*

Từ các ví dụ minh họa lấy ngay từ trong quá trình chỉ đạo dự án đã thực sự có sức thuyết phục, tăng thêm khả năng nhận thức của người dân trong quá trình tiếp thu kiến thức, tiến bộ kỹ thuật mới.

Đặc biệt dự án đã đào tạo được 5 đồng chí trưởng thôn bản làm hạt nhân trong công tác khuyến nông tại địa bàn xã và nhiều hộ gia đình đã nắm vững tiến bộ kỹ thuật mới, có khả năng tiếp thu và thực hiện tốt các mô hình.

5. Mô hình xây dựng chuồng trại hợp vệ sinh:

Do diễn biến không thuận lợi của thời tiết tại Cao Bằng đã ảnh hưởng đến quá trình ra hoa, kết hạt của cây mắc rạc, mặt khác khâu tổ chức thu hạt giống tại chỗ cũng có nhiều khó khăn. Vì vậy đã không có giống để cung cấp cho dự án. Bên cạnh đó thời gian hoạt động của chương trình không cho phép triển khai sang năm tiếp theo.

Căn cứ vào nguyện vọng của nhân dân các dân tộc vùng dự án và những bức sức thực tế tại địa phương. Cuối tháng 9 năm 2000, Ban chủ nhiệm dự án đã cân nhắc và quyết định chuyển hạng mục trồng rừng sang mục: **Hỗ trợ TBKT xây dựng một số mô hình vệ sinh chuồng trại chăn nuôi gia đình.**

- *Qui mô: 04 hộ.*

- *Nội dung: Hỗ trợ xây dựng chuồng trại hợp vệ sinh. Hỗ trợ nguyên vật liệu, công cụ chế biến và bảo quản thức ăn dự trữ cho gia súc vào mùa đông.*

Tập huấn qui hoạch chuồng trại cho 30 hộ gia đình.

- *Thời gian thực hiện: tháng 11, 12 năm 2000.*

6. Hỗ trợ chế biến sau thu hoạch:

Phổ cáo là một xã có diện tích lúa, ngô tương đối tập trung của huyện Đông vận, thực trạng hiện nay khi thu hoạch nhân dân vẫn chưa được trang bị các công cụ hỗ trợ, chủ yếu vẫn dùng thùng đập lúa bằng gỗ và tẽ ngô tay... năng suất thấp và tốn nhiều công sức khi thu hoạch, chưa kể đến chặt phá rừng để làm các công cụ. Xuất phát từ thực tế đó, Ban chủ nhiệm dự án sau khi trao đổi với Chính quyền xã và các hộ nhân dân đã cân đối nguồn kinh phí dự án hỗ trợ cho nhân dân một số công cụ thu hoạch, cụ thể:

- Hỗ trợ 30 máy tuốt lúa đập chân.
- 100 máy tẽ ngô quay tay.

Các thiết bị trên được tổ chức tập kết và hỗ trợ cho dân trong tháng 9/2000 tiến hành tập huấn cho 140 người - được Xã và nhân dân các dân tộc phấn khởi và đón nhận - Đưa ngay vào sử dụng trong dịp thu hoạch vụ mùa 2000.

III - KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

1. Kết luận:

Qua 2 năm triển khai thực hiện, Dự án Phổ cáo đã cơ bản thực hiện thành công các mô hình kinh tế hộ gia đình ứng dụng KHCN trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp như: Mô hình thâm canh 1 số cây lương thực, thực phẩm chính (lúa, ngô, đậu tương); Mô hình luân canh (Đậu tương - lúa trên đất ruộng 1 vụ; Mô hình ngô - đậu tương trên đất màu) và các mô hình chăn nuôi giống mới (Vịt siêu trứng); Mô hình phát triển giống bò vàng tại địa phương... Như trong các mục tiêu và nội dung đã được Bộ KHCNMT phê duyệt.

Ngoài ra, căn cứ vào thực tiễn triển khai dự án đã chủ động cân đối và hỗ trợ nhân dân thêm hai hạng mục: Hỗ trợ thiết bị chế biến và thay đổi hạng mục trồng rừng bằng hỗ trợ xây dựng chuồng trại hợp vệ sinh.

Lông ghép được hiệu quả giữa dự án đầu tư của Bộ và dự án của tỉnh, kết quả là địa phương đã được hưởng dự án với quy mô đủ lớn, hiệu quả của các mô hình cũng được nhân thêm.

Các mục tiêu cơ bản và nội dung dự án đã được hoàn thành đúng và vượt kế hoạch đặt ra ban đầu. Chính quyền và nhân dân đánh giá tốt quá trình chỉ đạo thực hiện cũng như khẳng định sự thành công và tính phù hợp của các nội dung dự án.

Dự án đã thu được hiệu quả tốt về các mặt kinh tế - xã hội:

Về kinh tế:

Đầu tư tiến bộ kỹ thuật (Giống mới, kỹ thuật thâm canh, luân canh... theo nội dung của dự án đã đạt được kết quả có nhiều triển vọng: Mô hình chăn nuôi sử dụng giống mới đã phát huy được vai trò sản xuất hàng hoá trong nông thôn. Năng suất cây trồng tăng từ 1,72 đến 2,12 lần, góp phần làm tăng tổng sản lượng lương thực của địa bàn xã: Tổng sản lượng lương thực qui thóc năm 1996 là: 1 110 tấn. Năm 1999 là: 1 300 tấn. Vượt so với năm 1996 là 190 tấn, tăng 17%. Bình quân lương thực qui thóc/người/năm của năm 1996 là 287 kg, năm 1999 là 306 kg. Tăng 7% (Báo cáo chính trị ĐH Đảng bộ xã Phổ cáo nhiệm kỳ 2000-2005).

Nâng được hệ số sử dụng đất ruộng 1 vụ từ 1 - 1,2 lên 2 lần ở địa bàn. Tăng hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích từ 1,39 đến 1,96 lần đối với thâm canh và 1,44 đến 2,23 lần đối với mô hình luân canh.

Thúc đẩy phát triển chăn nuôi cho địa bàn, tăng số lượng đàn bò nền địa phương, điều kiện thú y cơ sở được tăng cường. Đưa thành công cơ cấu vịt chuyên trứng vào phát triển đàn gia cầm cho xã Phố cáo, nhân dân đã tự mở rộng mô hình chăn nuôi ra các nơi lân cận.

Góp phần hỗ trợ cải thiện một số chỉ tiêu khác trong phát triển kinh tế xã hội của xã Phố cáo.

Về xã hội:

- Dự án đã tạo điều kiện cho người dân vùng cao tiếp xúc với tiến bộ kỹ thuật mới (Gần 1000 lượt người được đào tạo tập huấn), dân xói bỏ tập quán canh tác lạc hậu, sử dụng đất hợp lý nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân.

- Góp phần xói đói giảm nghèo tại địa phương: Từ năm 1998 về trước toàn xã có gần 50% thiếu đói trên 3 tháng/năm (715 hộ đều thiếu đói thì 331 hộ thiếu đói dứt bữa quanh năm - Số liệu điều tra năm 1998 - Phụ lục), sau khi thực hiện dự án được 1 năm, năm 1999 số hộ thiếu đói, nghèo chỉ còn 279 hộ chiếm 39%, giảm và xoá đói được 436 hộ/715 hộ. Đời sống văn hoá tinh thần được nâng cao, các chỉ tiêu giáo dục đào tạo, chăm sóc sức khoẻ, an ninh quốc phòng được cải thiện rõ rệt (Báo cáo chính trị Đại hội đảng bộ Phố cáo)

- Nâng cao được nhận thức về các TBKT áp dụng trong sản xuất, đời sống và bảo vệ môi trường cho nhân dân vùng dự án. Ngoài ra dự án còn đóng góp và tham mưu tích cực cho xã về một số vấn đề trong phát triển giáo dục, y tế...Lồng ghép các chương trình nội dung làm tăng hiệu quả các dự án khác cùng đầu tư trên địa bàn.

2. Một số bài học rút ra từ quá trình tổ chức triển khai và thực hiện:

Qua 2 năm triển khai dự án xã Phố cáo đã thu được kết quả tốt, đó là:

- Sự chỉ đạo nhanh nhạy và sát sao của Tổ công tác dự án: Luôn chỉ đạo cán bộ kỹ thuật bám sát địa bàn, kịp thời giải quyết các vướng mắc trong quá trình tổ chức triển khai. Sự tạo điều kiện của các Ngành quản lý : Sở tài chính; Sở NN&PTNT; Chi cục BVTV tỉnh.

- Sự quan tâm và phối hợp kịp thời của UBND huyện và của các ban ngành hữu quan như: Phòng Nông nghiệp; Phòng thống kê; Trạm khuyến nông huyện...

- Chính quyền, đoàn thể xã hoạt động tích cực và ủng hộ dự án ngay từ khi bắt đầu triển khai và trong suốt quá trình thực hiện. Nhân dân địa phương có tư tưởng ham thích TBKT mới áp dụng vào sản xuất, có nhiều sáng kiến trong việc lồng ghép các tập quán tốt với nội dung dự án.

• Dự án đã rút ra được những bài học kinh nghiệm và xin đề xuất một số ý kiến sau:

- Dự án Phốt cảo trong quá trình hoạt động đã thể hiện tính ưu việt của việc áp dụng TBKT: Góp phần tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, nâng cao tổng sản lượng lương thực, góp phần xóa đói giảm nghèo tại địa bàn dự án hỗ trợ công cuộc phát triển kinh tế - xã hội nơi vùng cao của tỉnh. Vì vậy đề nghị Bộ KH&CN & Môi trường, UBND Tỉnh quan tâm tạo điều kiện cho các dự án thuộc chương trình xây dựng mô hình ứng dụng KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi được thực hiện ở nhiều vùng của Tỉnh.

- Trong quá trình tổ chức triển khai cần phải có sự kết hợp chặt chẽ của nhiều ngành hữu quan và chính quyền địa phương cũng như hệ thống trường thôn bản. Phải gắn được hoạt động của dự án với kế hoạch thực hiện hàng năm của địa phương, tránh chồng chéo trong tổ chức thực hiện và chỉ đạo sản xuất.

- Quá trình chọn hộ là yếu tố quyết định phần nhiều đến thành, bại của công việc. Vì vậy, phải căn cứ vào khả năng thực tế của từng hộ: nhân lực, tiềm năng đất đai, sức kéo.... Đưa được vai trò của chính quyền địa phương vào công tác chọn hộ và quản lý dự án một cách hiệu quả.

- Các cán bộ được giao thực hiện dự án cần có một số phẩm chất:

Trình độ chuyên môn vững.

Có khả năng tổ chức và khái quát được quá trình thực hiện.

Có khả năng dân vận và quyết đoán trong chỉ đạo sản xuất.

- Công tác khuyến nông ở xã cần được nâng cao thêm về năng lực, tốt nhất là thông qua các dự án đào tạo được nông cốt khuyến nông viên tại chỗ - Đây chính là những nhân tố tích cực để đưa các TBKT vào được dân và nhân rộng các kết quả dự án về sau.

- Đóng góp vào cơ chế quản lý dự án: Đối với các dự án thuộc Chương trình, Bộ KH&CNMT và Ban chỉ đạo chương trình nên tùy thuộc vào điều kiện thực tế của từng vùng, từng tỉnh (Như: vùng xa, vùng điều kiện giao thông khó khăn, cơ sở hạ tầng còn thiếu thốn....) để xây dựng mức chi phí tổ chức thực hiện một cách phù hợp, có như vậy đơn vị chuyên giao công nghệ và địa phương mới có điều kiện sâu sát và chỉ đạo triển khai được hiệu quả.

SỞ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ GIANG



Bùi Thị Hồng